

Số: 40 /KH-UBND

Châu Phú, ngày 26 tháng 02 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện xả lũ các vùng sản xuất 03 vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh An Giang về lịch thời vụ xuống giống lúa trên địa bàn tỉnh An Giang, trong đó có quy định xả lũ định kỳ và thực hiện sản xuất 3 năm 8 vụ; UBND huyện Châu Phú xây dựng Kế hoạch xả lũ các vùng sản xuất 03 vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2025 với các nội dung cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG

Huyện Châu Phú có 36 tiểu vùng sản xuất 03 vụ/ năm, với diện tích 28.808 ha và 39 tiểu vùng sản xuất 02 vụ/ năm, với diện tích 9.592 ha. Huyện đã tổ chức xả lũ 10 tiểu vùng vào các năm 2005, 2006, 2015, 2017; ngưng vụ 22 tiểu vùng vào năm 2014, 2015, 2017, 2018.

Thực hiện quy định xả lũ định kỳ và sản xuất 3 năm 8 vụ là phù hợp đối với việc sản xuất lúa bền vững. Tuy nhiên thời gian qua, do sản xuất liên tục, không xả lũ được theo quy định và một số vùng sản xuất 03 vụ xuống giống trễ lịch thời vụ và việc sản xuất lúa gối vụ kéo dài nên đã tạo điều kiện cho sinh vật gây hại phát triển nhiều, khó kiểm soát, đất bạc màu, lượng phân bón nông dân sử dụng ngày càng tăng cao làm tăng chi phí sản xuất, năng suất lúa giảm, lợi nhuận giảm. Đặc biệt là đất bị nhiễm các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật do không được rửa trôi dẫn đến chất lượng lúa gạo không đảm bảo. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch xả lũ là rất cần thiết, nhất là trước tình hình sản xuất theo hướng sạch, an toàn như hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thực hiện việc xả lũ nhằm mục đích điều chỉnh thời vụ xuống giống lúa đúng theo khung thời vụ khuyến cáo của ngành chuyên môn, sản xuất lúa mang tính bền vững, tăng lợi nhuận cho người dân. Cải tạo đất góp phần làm tăng độ phì nhiêu của đất, hạn chế lúa cỏ, cỏ dại, cắt giảm nguồn dịch hại lưu tồn trên đồng ruộng, giảm ngộ độc hữu cơ, tăng hiệu quả sản xuất. Qua đó, thực hiện chủ trương sản xuất 3 năm 8 vụ cho các vùng sản xuất nằm trong đề bao, mang tính hiệu quả sử dụng đất lâu dài và bền vững.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch xả lũ phải được tiến hành đúng trình tự, có sự đồng thuận cao của Nhân dân, đảm bảo an toàn, mang lại hiệu quả cao. Đảm bảo diện tích xả lũ 03 vụ hàng năm chiếm 30% diện tích toàn huyện.

III. CHỈ TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Chỉ tiêu

a. Chỉ tiêu chung: Xả lũ tại 65 tiểu vùng, với tổng diện tích 39.942,51 ha trên địa bàn 13/13 xã, thị trấn.

b. Chỉ tiêu cụ thể: (đính kèm biểu tổng hợp)

Năm 2020: Tổ chức xả lũ 10 tiểu vùng với diện tích 6.538,9 ha trên địa bàn 7 xã, gồm: Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Mỹ, Bình Chánh, Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh, Ô Long Vĩ.

Năm 2021: Tổ chức xả lũ 10 tiểu vùng với diện tích 7.441,17 ha trên địa bàn 8 xã, gồm: Mỹ Đức, Mỹ Phú, TT Cái Dầu, Bình Long, Bình Mỹ, Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh, Ô Long Vĩ.

Năm 2022: Tổ chức xả lũ 11 tiểu vùng với diện tích 5.322,07 ha trên địa bàn 8 xã, gồm: Mỹ Đức, Mỹ Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Long, Bình Mỹ, Bình Thủy, Thạnh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ.

Năm 2023: Tổ chức xả lũ 11 tiểu vùng với diện tích 6.791,63 ha trên địa bàn 9 xã: Mỹ Đức, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Long, Bình Mỹ, Bình Chánh, Bình Phú, Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh, Ô Long Vĩ.

Năm 2024: Tổ chức xả lũ 12 tiểu vùng với diện tích 7.880,48 ha trên địa bàn 9 xã: Mỹ Đức, Mỹ Phú, Vĩnh Thạnh Trung, TT Cái Dầu, Bình Mỹ, Bình Phú, Thạnh Mỹ Tây, Đào Hữu Cảnh, Ô Long Vĩ.

Năm 2025: Tổ chức xả lũ 11 tiểu vùng với diện tích 5.968,53 ha trên địa bàn 9 xã: Mỹ Đức, Mỹ Phú, Vĩnh Thạnh Trung, Bình Long, Bình Mỹ, Bình Thủy, Bình Phú, Thạnh Mỹ Tây, Ô Long Vĩ.

2. Giải pháp thực hiện

UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch xả lũ đối với những tiểu vùng nêu trên; tổ chức họp dân triển khai, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc xả lũ và thông báo rộng rãi trên Đài truyền thanh huyện, đài truyền thanh xã để người dân biết và đồng thuận thực hiện. Đồng thời, UBND các xã, thị trấn làm việc với Hợp tác xã, Tổ hợp tác tham gia thực hiện theo kế hoạch, rà soát và xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hệ thống giao thông nội đồng và các thiết bị bơm tiêu sau thời gian xả lũ để xuống giống vụ tiếp theo.

Sau khi hết thời gian xả lũ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Đài Truyền thanh huyện và UBND xã, thị trấn thông báo rộng rãi trên đài truyền thanh về khung lịch thời vụ xuống giống đến Hợp tác xã, Tổ hợp tác và người dân biết để chuẩn bị xuống giống vụ tiếp theo đúng theo khung thời vụ quy định.

III. KINH PHÍ

1. Hỗ trợ kinh phí xả lũ có điều tiết từ các nguồn:

- Quỹ Phòng chống thiên tai;
- Nguồn dự phòng ngân sách của huyện;
- Nguồn nhân dân đóng góp;
- Nguồn kinh phí của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác.

2. Định mức hỗ trợ bơm điều tiết xả lũ căn cứ vào tình hình thực tế và dựa trên cơ sở mức giá quy định dịch vụ công ích thủy lợi của UBND tỉnh An Giang.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch xả lũ hàng năm và giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện kế hoạch.

Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết và nguồn nước, đặt biệt là tình hình hạn và thiếu nước có nguy cơ ảnh hưởng để có kế hoạch. Phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, thị trấn theo dõi mực nước hàng ngày, xả lũ có điều tiết để đảm bảo sản xuất, đời sống và tài sản của người dân trong vùng xả lũ (mực nước phải đảm bảo cắt đứt nguồn dịch hại lưu tồn, an toàn hệ thống đê bao).

2. Điện lực Châu Phú và Xí nghiệp Điện nước Châu Phú

Triển khai kế hoạch kiểm tra các tuyến đường dây trung, hạ thế, trụ điện, nhất là các đường dây vượt kênh phải đảm bảo an toàn về kỹ thuật, dây chằng và các hệ thống cấp nước, đảm bảo việc cung cấp điện, nước an toàn liên tục phục vụ nhân dân, tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao ý thức sử dụng điện an toàn trong dân không để sự cố về điện xảy ra.

Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình điện hiện đang thi công, sớm hoàn thành đưa vào vận hành trước khi lũ về. Kiểm tra an toàn sử dụng điện trong sản xuất và sử dụng của nhân dân.

Thường xuyên theo dõi diễn biến của thời tiết, nguồn điện cung cấp đảm bảo không để tình trạng thiếu điện xảy ra. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra, rà soát các thiết bị, hệ thống điện, chủ động tu bổ, sửa chữa các sự cố, hư hỏng...Tránh tình trạng khi cần thì không có điện, nước để phục vụ cho người dân và sản xuất nông nghiệp.

3. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện

Phối hợp UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch tổ chức các điểm giữ trẻ mùa lũ (vùng xả lũ), nhằm bảo vệ tính mạng trẻ em trong mùa lũ. Duy trì hệ

thống bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng, mô hình trợ giúp trẻ em tại cộng đồng, mô hình ngôi nhà an toàn cho trẻ em...

Nghiên cứu, đào tạo ngành nghề cho người dân vùng xã lũ lúc nông nhàn.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Chủ trì, phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND huyện phân bổ kịp thời các nguồn vốn triển khai thực hiện các công trình thủy lợi, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Đồng thời sớm tham mưu nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch này theo đúng quy định.

5. Đài Truyền thanh huyện

Phối hợp Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng tin, bài tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của việc xả lũ trong sản xuất để các xã, thị trấn chủ động thực hiện

Hướng dẫn Đài truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền kế hoạch xả lũ trên đài phát thanh để người dân biết và thời gian thực hiện.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Hội, Đoàn thể huyện

Tuyên truyền, vận động các Hội viên và Nhân dân hiểu rõ lợi ích của việc xả lũ, đảm bảo thực hiện tốt chủ trương chung về kế hoạch xả lũ của huyện.

7. UBND các xã, thị trấn

Xây dựng kế hoạch xả lũ và triển khai cho tất cả cán bộ, đảng viên biết để vận động người dân đồng thuận thực hiện chủ trương. Đảm bảo diện tích xả lũ hàng năm là 30% so tổng diện tích sản xuất 03 vụ của xã.

Thông báo ngay từ đầu năm và liên tục trong thời gian 01 tháng trước khi xả lũ để người dân biết và chủ động thực hiện.

Vận động hộ trồng cây lâu năm trên nền đất lúa cần phải lên líp trồng đảm bảo cao trình chống lũ, những hộ đã trồng trước đây thì phải tự xây dựng vành đê bao để bảo vệ diện tích sản xuất của mình.

Làm việc với các Hợp tác xã, Tổ hợp tác cam kết hệ thống trạm bơm vùng xả lũ tuyệt đối phải đảm bảo được duy tu bảo dưỡng vận hành tốt việc điều tiết nước khi xả lũ.

Xác định thời gian xả lũ và mực nước duy trì vùng xả lũ. Đồng thời theo dõi kiểm soát mực nước vùng xả lũ phải đảm bảo an toàn hệ thống đê bao và tài sản của người dân.

Định kỳ, hàng năm UBND xã, thị trấn có xả lũ báo cáo kết quả thực hiện về UBND huyện và ngành chuyên môn. Trong trường hợp khó khăn có văn bản

(Công văn hoặc Tờ trình) báo cáo ngay đến UBND huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện) để Huyện có chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện xả lũ các vùng sản xuất 03 vụ giai đoạn 2020-2025 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Phú./.

Nơi nhận: *th*

- Sở Nông nghiệp và PTNT; (báo cáo)
- BTV Huyện ủy; (báo cáo)
- TT. HĐND – UBND huyện; (báo cáo)
- Hội nông dân huyện;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trạm Trồng trọt và BVTV, Khuyến nông;
- Chăn nuôi và Thú y, Tổ Thủy sản;
- Đài Truyền thanh huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. *h*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Lâm

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH XÃ Lũ GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Đính kèm kế hoạch số 40 /KH-UBND ngày 26/02/2020 của UBND huyện)

STT	Xã	TIỂU VÙNG	DIỆN TÍCH 3 VỤ	Lộ trình ngưng vụ, xả lũ từ 2020 - 2025					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
I	Khánh Hòa		1,150.24	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tỷ lệ				0%	0%	0%	0%	0%	0%
1		Bắc Mương Cây Sung	592.21						
2		Nam Mương Cây Sung	558.03						
II	Mỹ Đức		3,243.99	723.00	885.00	0.00	0.00	885.00	0.00
Tỷ lệ				22%	27%	0%	0%	27%	0%
1		QLộ 91-K3-Cần Thảo-Kênh 3/2	723	x			x		
2		K2 - K3 - Kênh Đào - Kênh 3/2	499.99			x			x
3		QL 91 -K2 - Kênh Đào - Kênh 3/2	496						
4		K4 Xuất khẩu - K5 - Kênh Đào - Kênh 3/2	640						
5		K3-K5-Cần Thảo-Kênh 3/2	609		x			x	
6		K3-K4 xuất khẩu- K. Đào - Kênh 3/2	276		x			x	
III	Mỹ Phú		2,979.32	0.00	1,586.14	1,393.18	0.00	1,586.14	1,393.18
Tỷ lệ				0%	53%	47%	0%	53%	47%
1		QLộ 91-K3-Cần Thảo-Vịnh Tre	1,586.14		x			x	
2		K3-K4 cũ-Vịnh Tre-Cần Thảo	726.20			x			x
3		K4 cũ-K5-Vịnh Tre-Cần Thảo	666.98			x			x



STT	Xã	TIỂU VÙNG	DIỆN TÍCH 3 VỤ	Lộ trình ngưng vụ, xả lũ từ 2020 - 2025					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
IV	Vĩnh Thạnh Trung		1,886.81	483.85	0.00	675.17	727.79	483.85	675.17
Tỷ lệ				26%	0%	36%	39%	26%	36%
1		Q.Lộ 91-M.Khai-V.Tre-C.Gáo-K1	727.79				x		
2		K1-K2-V.Tre-C.Gáo	675.17			x			x
3		K2-K7-V.Tre-C.Gáo	483.85	x				x	
V	TT Cái Dầu		340.67	0.00	340.67	0.00	0.00	340.67	0.00
Tỷ lệ				0%	100%	0%	0%	100%	0%
1		Q.Lộ 91-K1-Chủ Mỹ-K10CP	340.67		x			x	
VI	Bình Long		1,511.50	0.00	232.62	445.81	514.90	0.00	427.62
Tỷ lệ				0%	15%	29%	34%	0%	28%
1		Q.Lộ 91-K.Đê-Cây Dương-K.Phù Vật	183.24						
2		K.Đê-K2-Q.Gia-Cây Dương	514.90				x		
3		K2-K7-Q.Gia-Cây Dương	345.75			x			
4		K7-K8-Q.Gia-Cây Dương	232.62		x				x
5		K1-K2-Chủ Mỹ-K10CP	134.93						
6		K2-K7-Chủ Mỹ-K10CP	100.07			x			
7		K7-K8-K10CP-Q.Gia	195.00						x
VII	Bình Mỹ		2,590.56	643.18	983.72	963.66	643.18	983.72	963.66
Tỷ lệ				25%	38%	37%	25%	38%	37%
1		Q.Lộ 91-K2-Cây Dương-M.Trâu	963.66			x			x
2		K2-Hào Sương-Cây Dương-M.Trâu	983.72		x			x	
3		Q Lộ 91-M.Năm Trị-Núi Chóc-Thầy Phó	150.00	x			x		

STT	Xã	TIỂU VÙNG	DIỆN TÍCH 3 VỤ	Lộ trình ngưng vụ, xả lũ từ 2020 - 2025					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
4		Xẻo sâu-Hào Sương-Thầy Phó-K.Ranh	493.18	x			x		
VIII	Bình Thủy		732.20	0.00	0.00	216.19	0.00	0.00	216.19
Tỷ lệ				0%	0%	30%	0%	0%	30%
1		Bắc Kênh Đình	516.01						
2		Nam Kênh Đình	216.19			x			x
IX	Bình Chánh		2,630.49	1,852.00	0.00	0.00	778.49	0.00	0.00
Tỷ lệ				70%	0%	0%	30%	0%	0%
1		Hào Sương-K7-C.Dương-Núi Chóc	778.49				x		
3		K7-K10-C.Dương-K.Ranh	1,292.35	x					
4		K10-K13-C.Dương-K.Ranh	559.65	x					
X	Bình Phú		913.28	0.00	0.00	0.00	271.50	230.38	411.40
Tỷ lệ				0%	0%	0%	30%	25%	45%
1		K8-K10-Quốc Gia-K10CP	271.50				x		
2		K10-K13-Quốc Gia-K10CP	230.38					x	
3		K13-K14-Cây Dương-K10CP	411.40						x
XI	Thạnh Mỹ Tây		2,888.14	483.70	348.69	676.87	1,378.87	483.70	348.69
Tỷ lệ				17%	12%	23%	48%	17%	12%
1		K7-K8-Vịnh Tre-Bờ Dâu	348.69		x				x
2		K8-K11-Vịnh Tre-Bờ Dâu- K10CP	744.87				x		
3		K8-K11-Vịnh Tre-Bờ Dâu	634.00				x		
4		K11-K13-Vịnh Tre-K10CP	676.87			x			
5		K11-K12-Vịnh Tre-Cần Thảo	483.70	x				x	



STT	Xã	TIỂU VÙNG	DIỆN TÍCH 3 VỤ	Lộ trình ngưng vụ, xả lũ từ 2020 - 2025					
				2020	2021	2022	2023	2024	2025
XII	Đào Hữu Cảnh		2,529.60	997.88	1,531.72	0.00	997.88	1,531.72	0.00
Tỷ lệ				39%	61%	0%	39%	61%	0%
1		K13-K15-V.Tre-K10CP	883.86		x			x	
2		K15-K.Cốc-V.Tre.K10CP	647.86		x			x	
3		K15-K.Ranh-V.Tre-Cần Thảo	997.88	x			x		
XIII	Ô Long Vĩ		5,318.10	1,355.29	1,532.60	951.17	1,479.03	1,355.29	1,532.60
Tỷ lệ				25%	29%	18%	28%	25%	29%
1		Hào Đê-K7-Vịnh Tre-Cần Thảo	362.27			x			
2		K7-K10-Vịnh Tre-Cần Thảo	1,532.60		x				x
3		Hào Đê-K7-K.Đào-Cần Thảo	588.90			x			
4		K7-K10-K.Đào-Cần Thảo	1,479.03				x		
5		K11-K13-Cần Thảo-K.Ranh	1,031.31	x				x	
6		K13-Cần Thảo-K.Ranh, Tịnh Biên	323.99	x				x	
Tổng cộng			28,714.90	6,538.90	7,441.17	5,322.07	6,791.63	7,880.48	5,968.53
Tỷ lệ				23%	26%	19%	24%	27%	21%